BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1595/QĐ-BTTTT	*Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2018*

Đơn vị ký số:
TRUNG TÂM THÔNG TIN

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tin học hóa

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Tin học hóa và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Cục Tin học hóa là tổ chức trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử, thuê, mua sắm đối với dịch vụ công nghệ thông tin, phát triển phần mềm ứng dụng và chuyển đổi số.

Cục Tin học hóa có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản để giao dịch theo quy định của pháp luật, có trụ sở chính đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Cục Tin học hóa có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện việc xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành hoặc để Bộ trưởng trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử, thuê, mua sắm đối với dịch vụ công nghệ thông tin, phát triển phần mềm ứng dụng và chuyển đổi số.

2. Chủ trì, phối hợp xây dựng, trình Bộ trưởng phê duyệt hoặc để Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm, chương trình mục tiêu, chương trình quốc gia, chương trình hành động, đề án, dự án, quyết định, chỉ thị về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính phủ điện tử, thuê, mua sắm đối với dịch vụ công nghệ thông tin, phát triển phần mềm ứng dụng, chuyển đổi số và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt theo phân công của Bộ trưởng.

3. Hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, cơ chế, quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính phủ điện tử, thuê, mua sắm đối với dịch vụ công nghệ thông tin, phát triển phần mềm ứng dụng, chuyển đổi số, quy chế quản lý đầu tư, đánh giá hiệu quả đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn nhà nước; xây dựng phương pháp định giá phần mềm phục vụ cho việc quản lý các dự án ứng dụng công nghệ thông tin.

4. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, xây dựng Chính phủ điện tử:

a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về Chính phủ điện tử; xây dựng, duy trì, cập nhật, tổ chức thực hiện Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; hướng dẫn xây dựng, thẩm định đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, dự án, đề án xây dựng Chính phủ điện tử theo thẩm quyền, kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh. Hướng dẫn xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ thông tin các cấp, cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước;

b) Xây dựng hệ thống thông tin đầu mối kết nối, hỗ trợ truy nhập thuận tiện các cơ sở dữ liệu quốc gia; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia;

c) Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương; trình Bộ trưởng công bố theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ công bố danh mục thông tin, dữ liệu chia sẻ, dùng chung. Hướng dẫn mô hình quản trị dữ liệu, thúc đẩy việc khai thác, sử dụng, chia sẻ thông tin, dữ liệu số giữa các cơ quan nhà nước;

d) Tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, chủ trì triển khai nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc Chương trình tổng thể, kế hoạch cải cách hành chính nhà nước. Hướng dẫn thực hiện tin học hóa các quy trình nghiệp vụ trong hoạt động của cơ quan nhà nước,

tin học hóa việc cung cấp dịch vụ hành chính công; hướng dẫn triển khai dịch vụ công trực tuyến;

đ) Thẩm định các chương trình, kế hoạch năm năm về ứng dụng công nghệ thông tin, các thiết kế cơ sở dự án ứng dụng công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông; thẩm tra về mục tiêu, nội dung chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ thuật các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan nhà nước cấp Trung ương khác theo phân công của Bộ trưởng;

e) Đôn đốc, thúc đẩy việc tăng cường sử dụng thư điện tử và văn bản điện tử, triển khai áp dụng phần mềm nguồn mở trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, giao dịch điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước với người dân, tổ chức, doanh nghiệp; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật về kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản và điều hành phục vụ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước;

g) Tổ chức xây dựng, quản lý và vận hành hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển chính phủ điện tử của Việt Nam và các hệ thống thông tin, dữ liệu dùng chung do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;

h) Hướng dẫn, điều phối, theo dõi, kiểm tra hoạt động xây dựng các hệ thống thông tin quy mô quốc gia; hướng dẫn, đôn đốc triển khai đồng bộ các hệ thống thông tin tại các Bộ, ngành, địa phương; hướng dẫn kỹ thuật về biện pháp, quy trình bảo quản thông tin và hệ thống quản lý thông tin; hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật nhằm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin; tổ chức số hóa, sử dụng kỹ thuật công nghệ thông tin trong quản lý tài liệu điện tử, quản lý thông tin;

5. Về chuyển đổi số:

a) Xác định tầm nhìn, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số quốc gia, bao gồm các biện pháp thúc đẩy thực hiện quá trình chuyển đổi số và kiến nghị chuyển đổi quy trình hoạt động phù hợp với công nghệ mới; xây dựng và hướng dẫn khung tham chiếu chuyển đổi số;

b) Nghiên cứu, đề xuất tháo gỡ các rào cản pháp lý cho chuyển đổi số;

c) Đề xuất các chính sách, giải pháp thúc đẩy sự phát triển và ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, dữ liệu mở, công nghệ số, dịch vụ số tại Việt Nam;

d) Đề xuất chính sách về tài sản số, về quyền của tổ chức, cá nhân được tiếp cận dữ liệu số của Chính phủ;

đ) Chủ trì, phối hợp đề xuất các chính sách, chương trình, hoạt động phát triển xã hội số, chuyển đổi số doanh nghiệp; chính sách khuyến khích, hỗ trợ các sáng kiến, đề án, dự án chuyển đổi số;

e) Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá, dự báo các xu hướng, các công nghệ mới thúc đẩy chuyển đổi số và đề xuất triển khai ở Việt Nam; khuyến nghị các giải pháp, hệ thống thông tin, phần mềm, phần mềm nguồn mở, cơ sở dữ liệu, các nền tảng số, công nghệ số, dịch vụ số được sử dụng rộng rãi trong doanh nghiệp và cộng đồng;

6. Về phát triển đô thị thông minh

a) Xây dựng và triển khai áp dụng Khung tham chiếu công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam;

b) Xây dựng quy định chung về phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu đô thị, quy định về chia sẻ dữ liệu công cộng, điện toán đám mây và dùng chung hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông trong đô thị thông minh;

c) Đề xuất xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án xây dựng hệ sinh thái các sản phẩm và dịch vụ đô thị thông minh, thí điểm triển khai và sử dụng các sản phẩm và dịch vụ đô thị thông minh do các doanh nghiệp trong nước phát triển; phối hợp với các địa phương tổ chức thực hiện thí điểm phát triển đô thị thông minh; hướng dẫn các địa phương triển khai ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đô thị thông minh;

d) Chủ trì, phối hợp xây dựng mô hình quản lý liên thông về dân cư, đất đai, giao thông, quy hoạch đô thị và đầu tư xây dựng tại các khu vực thí điểm đô thị thông minh;

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông tham mưu phát triển hạ tầng ICT, chỉ đạo các doanh nghiệp ICT đảm bảo sẵn sàng hạ tầng ICT thiết yếu phục vụ phát triển đô thị thông minh.

7. Về thuê, mua sắm đối với dịch vụ công nghệ thông tin, phát triển phần mềm ứng dụng:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan xây dựng và hướng dẫn thực hiện các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ, ưu tiên thuê, mua sắm đối với dịch vụ công nghệ thông tin, phát triển phần mềm ứng dụng;

b) Hướng dẫn, thúc đẩy thực hiện cơ chế thuê, sử dụng dịch vụ công nghệ thông tin; xây dựng và hướng dẫn áp dụng danh mục dịch vụ công nghệ thông tin được ưu tiên thuê, mua sắm, sử dụng dùng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

c) Chủ trì thẩm định, thẩm tra các đề án, dự án nghiên cứu phát triển phần mềm ứng dụng có sử dụng vốn ngân sách nhà nước của các bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật.

8. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử theo sự phân công của Bộ trưởng.

9. Cấp, gia hạn, sửa đổi bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ và thu hồi các loại giấy chứng nhận, chứng chỉ về ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm ứng dụng theo quy định của pháp luật.

10. Chủ trì xây dựng, trình ban hành các tiêu chí, chỉ số và hướng dẫn, tổ chức đánh giá, xếp hạng các chỉ số hoặc bộ chỉ số về mức độ sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin, mức độ phát triển chính phủ điện tử, mức độ chuyển đổi số, mức độ số hóa trong hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức và doanh nghiệp, mức độ sử dụng và hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với các dịch vụ công trực tuyến.

11. Tổ chức thống kê, thu thập, tổng hợp số liệu, phân tích, dự báo về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; xây dựng các báo cáo tổng hợp, thống kê về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử theo quy định.

12. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; xây dựng, ban hành, công nhận, tổ chức triển khai áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, các quy định về sát hạch, cấp chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng, chứng nhận chuyên môn về sử dụng công nghệ thông tin.

13. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ và thông tin, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trình độ về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và đô thị thông minh.

14. Xây dựng, quản lý, duy trì các cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về các dự án ứng dụng công nghệ thông tin; các cơ sở dữ liệu được Bộ trưởng giao.

15. Quản lý chất lượng các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin; xây dựng, quản lý vận hành phòng thử nghiệm hệ thống thông tin; kiểm tra, đánh giá; đo kiểm chất lượng các hệ thống thông tin theo phân công; kiểm thử sản phẩm phần mềm ứng dụng phục vụ cho hoạt động của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng theo quy định; định kỳ công bố các giải pháp, sản phẩm phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin đã qua kiểm định và được cơ quan nhà nước sử dụng.

16. Tham gia đề xuất, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn, chỉ tiêu kỹ thuật về chất lượng sản phẩm, dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật và điều kiện triển khai ứng dụng công nghệ thông tin.

17. Thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số, phát triển phần mềm ứng dụng, phát triển nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng.

18. Thực hiện chức năng Cơ quan thường trực triển khai các dự án, đề án, chương trình, kế hoạch về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử và chuyển đổi số theo phân công của Bộ trưởng.

19. Quản lý về tổ chức bộ máy, công chức, viên chức và người lao động, tài sản, hồ sơ, tài liệu của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng.

20. Được chủ động phát triển các hoạt động sự nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao theo các quy định của Nhà nước và của Bộ Thông tin và Truyền thông; bảo toàn và phát triển các nguồn lực được giao.

21. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Lãnh đạo:

Cục Tin học hóa có Cục trưởng và các Phó Cục trưởng.

Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Phó Cục trưởng giúp Cục trưởng chỉ đạo, điều hành các mặt công tác của Cục, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

2. Tổ chức bộ máy:

a) Các phòng:

- Văn phòng;

- Phòng Quản lý Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

- Phòng Chính sách ứng dụng công nghệ thông tin;

- Phòng Tích hợp hệ thống;

- Phòng Hạ tầng và dữ liệu số;

- Phòng Thông tin và dịch vụ công trực tuyến;

- Phòng Chuyển đổi số;

- Phòng Dịch vụ công nghệ thông tin, phần mềm ứng dụng.

b) Các đơn vị trực thuộc:

- Trung tâm Chính phủ điện tử;

- Trung tâm Tư vấn nghiệp vụ và hỗ trợ đánh giá hiệu quả đầu tư công nghệ thông tin.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc do Cục trưởng xây dựng trình Bộ trưởng quyết định.

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Phòng và mối quan hệ công tác giữa các phòng, đơn vị trực thuộc Cục do Cục trưởng quy định.

3. Biên chế công chức, số lượng người làm việc, lao động của Cục Tin học hóa do Cục trưởng xây dựng trình Bộ trưởng quyết định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Thay thế Quyết định số 966/QĐ-BTTTT ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tin học hóa.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Tin học hóa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Đơn vị chuyên trách CNTT các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP, VPTW Đảng, VPQH, VP CTN, TANDTC, VKSNDTC, các tổ chức chính trị xã hội;
- UBND và Sở TTTT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cổng TTĐT của Bộ TTTT;
- Lưu: VT, TCCB (170).

Q. BỘ TRƯỞNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Nguyễn Mạnh Hùng